

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 193/2021/HS-ST
Ngày: 07-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí

Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Phạm Đình C**, tên gọi khác: C Viện; Giới tính: Nam; Sinh năm 1989, tại Nghệ An; Nơi cư trú: Tổ 16, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 07/12; Con ông Phạm Đình V, sinh năm 1962 (Còn sống) và bà Trần Thị L, sinh năm 1963 (Còn sống); Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1991 và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị giam giữ từ ngày 09/9/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. (Có mặt).

2/ Họ và tên: **Nguyễn Thanh P**, tên gọi khác: T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1983, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955 (Còn sống) và bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1958 (Đã chết); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em; Bị cáo có vợ tên Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1986 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 25/10/2019, bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử

dùng trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 09/9/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Phạm Đình C là người sử dụng trái phép chất ma túy. Để có tiền mua ma túy sử dụng, C nảy sinh ý định thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Thực hiện ý định trên, từ ngày 20/8/2020 đến ngày 08/9/2020, C đã 03 (Ba) lần đi đến khu vực gần khu hành chính thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, mua ma túy của người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ). Trong đó lần thứ nhất và lần thứ hai, mỗi lần C mua 01 (Một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng), lần thứ ba C mua 01 (Một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau mỗi lần mua, C mang ma túy về nhà của C thuộc tổ 16, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, C lấy một phần ma túy ra sử dụng, phần còn lại C chia thành nhiều gói ma túy nhỏ để bán cho người khác, cách thức như sau: Đối tượng mua ma túy trực tiếp đến nhà C, hai bên thực hiện hành vi mua bán. Với cách thức trên, C đã 03 (Ba) lần bán ma túy cho Nguyễn Thanh P (là người nghiện ma túy). Cụ thể:

- Lần 1: Vào khoảng 09 giờ ngày 20/8/2020 tại nhà của C, C đã bán cho P 01 (Một) gói ma túy tổng hợp với giá 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

- Lần 2: Vào khoảng 09 giờ ngày 02/9/2020 tại nhà của C, C đã bán cho P 01 (Một) gói ma túy tổng hợp với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

- Lần 3: Vào khoảng 09 giờ ngày 09/9/2020 tại nhà của C, C đã bán cho P 01 (Một) gói ma túy tổng hợp với giá 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Sau khi mua ma túy, P đem về cất giấu tại nhà của P thuộc tổ 8, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai với mục đích sử dụng.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 09/9/2020, tại nhà của C ở địa chỉ nêu trên, Công an phường T kiểm tra phát hiện bắt quả tang C đang cất giấu 18 (Mười tám) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) để bán cho người khác.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, tại nhà của P, P đang cất giấu 01 (Một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) trong ống tay lái phía bên phải của xe mô tô biển số 60F3-636.12 để bên trong phòng bếp thì bị Công an phường T kiểm tra, phát hiện bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra, C khai nhận quá trình mua bán ma túy C sử dụng một phần và chưa thu lợi bằng tiền.

* Vật chứng thu giữ:

- 18 (Mười tám) gói nylon bên trong chứa tinh thể màu trắng (đã được niêm P có chữ ký ghi họ tên Phạm Đình C và hình dấu tròn màu đỏ Công an phường T).

- 01 (Một) gói nylon bên trong chứa tinh thể màu trắng (đã được niêm P có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Thanh P và hình dấu tròn màu đỏ Công an phường T).

Đối với xe mô tô biển số 60F3-636.12 P sử dụng để cất giấu ma túy: Kết quả điều tra xác định xe trên thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1999 (em vợ P) cho P mượn sử dụng. Chị H không biết việc P cất giấu ma túy trong xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả xe cho chị H.

* Về các vấn đề khác của vụ án: Tại Bản kết luận giám định số 2167/KLGD-PC09 ngày 14/9/2020 của Giám định viên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

“Mẫu tinh thể màu trắng được niêm P gửi đến giám định (thu giữ của C) là ma túy, có khối lượng: **2,5825gam**, loại: **Methamphetamine**”.

Tại Bản kết luận giám định số 2168/KLGD-PC09 ngày 16-9-2020 của Giám định viên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

“Mẫu tinh thể màu trắng được niêm P gửi đến giám định (thu giữ của P) là ma túy, có khối lượng **0,3961gam**, loại: **Methamphetamine**”.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã nhận tội theo như nội dung cáo trạng mô tả và không có ý kiến hay khiếu nại kết luận giám định nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo và không có ý kiến về kết luận giám định.

Tại Bản cáo trạng số 115/CT-VKSBH ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Phạm Đình C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 và Nguyễn Thanh P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử:

- Do tại phiên tòa, bị cáo C cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bác ruột bị cáo là Liệt sĩ Phạm Đình D, gia đình bị cáo là gia đình liệt sĩ) nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Đình C mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 60F3-636.12 P sử dụng để cất giấu ma túy: Kết quả điều tra xác định xe trên thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999 (em vợ P) cho P mượn sử dụng. Chị H không biết việc P cất giấu ma túy trong xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả xe cho chị H.

Đối với người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) có hành vi bán ma túy cho C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã biết hành vi của mình là sai và rất ân hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Đình C và Nguyễn Thanh P đã khai nhận: Vào các ngày 20/8/2020, 02/9/2020 và 09/9/2020, tại nhà của Phạm Đình C thuộc tổ 16, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, C đã 03 (Ba) lần bán ma túy cho Nguyễn Thanh P mỗi lần 01 (Một) gói ma túy tổng hợp với giá từ 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) đến 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng)/gói.

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 09/9/2020, tại nhà của C địa chỉ nêu trên, C bị Công an phường T bắt giữ cùng 2,5825gam ma túy loại Methamphetamine C đang cất giấu để bán cho người khác.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, tại nhà của P thuộc tổ 8, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, P có hành vi tàng trữ trái phép 0,3961gam ma túy loại Methamphetamine thì bị Công an phường T kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai của người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Đình C đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 và Nguyễn Thanh P đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 115/CT-VKSBN ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác, bản thân các bị cáo biết rõ việc mua bán và tàng trữ và sử dụng trái

phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo C đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Giết người (chưa đạt)” theo bản án số 338/2007/HSST ngày 31/10/2007, bị cáo đã chấp hành xong bản án; bị cáo P cũng đã bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 6138/QĐ-XPHC ngày 25-10-2019 nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có;

Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình phạt đối với các bị cáo, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo C có bác ruột bị cáo là Liệt sĩ Phạm Đình D, gia đình bị cáo là gia đình liệt sĩ nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt tiền từ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đến 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng). Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 60F3-636.12 P sử dụng để cất giấu ma túy: Kết quả điều tra xác định xe trên thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999 (em vợ P) cho P mượn sử dụng. Chị H không biết việc P cất giấu ma túy trong xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả xe cho chị H là phù hợp.

Đối với người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) có hành vi bán ma túy cho C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Phạm Đình C** phạm tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”;

Xử phạt bị cáo Phạm Đình C mức án: **07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 09/09/2020.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh P** phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P mức án: **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 09/09/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định (Theo Quyết định chuyển vật chứng ngày 01/02/2021 và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/02/2021).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Công an TP. B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo (2);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hoàng Phương